SAO Y; VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN; 26/10/2026; 11:31:13; +07:00

UBND TỈNH QUẢNG TRỊ **VĂN PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 6080 /BC-VP	*Quảng Trị, ngày 23 tháng 10 năm 2026*

BÁO CÁO
Đánh giá việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng

Thực hiện công văn số 2947/TTr-NV1 của Thanh tra tỉnh về việc tham mưu tổng kết, đánh giá việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng, Văn phòng UBND tỉnh Quảng Trị báo cáo kết quả thực hiện như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

1. Đặc điểm tình hình

Văn phòng UBND tỉnh là cơ quan tham mưu, giúp UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh trong công tác chỉ đạo, điều hành; tổ chức quản lý, điều phối hoạt động của UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Văn phòng thường xuyên thực hiện công tác tham mưu tổng hợp, hành chính, quản trị, quản lý tài chính, tài sản công, công tác tổ chức cán bộ, tiếp công dân và các nhiệm vụ khác theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Các lĩnh vực liên quan đến quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, tài sản công; công tác tổ chức cán bộ, tuyển dụng, bố trí và sử dụng công chức, người lao động; thực hiện chế độ, chính sách; giải quyết công việc hành chính và thực thi công vụ là những nội dung cần được quan tâm kiểm soát nhằm phòng ngừa tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức triển khai

Lãnh đạo Văn phòng quan tâm chỉ đạo việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng; gắn công tác phòng ngừa tham nhũng với việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và nâng cao trách nhiệm của công chức, người lao động.

Các phòng, ban, đơn vị thuộc Văn phòng thực hiện nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ được giao; đề cao trách nhiệm của người đứng đầu trong quản lý, điều hành, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của công chức, người lao động. Công tác phối hợp, theo dõi, đôn đốc thực hiện các quy định về phòng, chống tham nhũng được lồng ghép trong hoạt động quản lý, điều hành thường xuyên của cơ quan.

II. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG

1. Công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị

a) Kết quả thực hiện

Văn phòng thực hiện công khai, minh bạch trong hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền; chú trọng công khai các nội dung liên quan đến tổ chức bộ máy, công tác cán bộ, quản lý tài chính, tài sản công, chế độ, chính sách và các nội dung khác theo quy định.

Việc cung cấp thông tin, tiếp nhận và xử lý yêu cầu cung cấp thông tin, thực hiện trách nhiệm giải trình được thực hiện theo quy định của pháp luật và quy chế làm việc của cơ quan.

b) Đánh giá việc thực hiện

Công khai, minh bạch góp phần nâng cao trách nhiệm của các phòng, ban, đơn vị và cá nhân trong thực thi nhiệm vụ, tạo điều kiện để theo dõi, kiểm tra và giám sát hoạt động của cơ quan. Việc thực hiện cụ thể cần tiếp tục bảo đảm đầy đủ nội dung, đúng hình thức, thời hạn và phạm vi công khai theo quy định.

c) Kiến nghị cụ thể

Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các quy định về công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình; hướng dẫn cụ thể đối với các nội dung công khai trên môi trường điện tử, bảo đảm thống nhất trong tổ chức thực hiện.

2. Xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ

a) Kết quả thực hiện

Văn phòng thực hiện việc xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ thuộc thẩm quyền; đồng thời triển khai các quy định về quản lý, sử dụng kinh phí, tài sản công, chế độ chi tiêu và các nội dung có liên quan theo quy định hiện hành.

Công tác quản lý, sử dụng kinh phí và tài sản công được thực hiện gắn với trách nhiệm của các bộ phận, cá nhân được giao quản lý, sử dụng; việc kiểm tra, rà soát được thực hiện theo yêu cầu quản lý của cơ quan.

b) Đánh giá việc thực hiện

Việc thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ là cơ sở để kiểm soát chi tiêu, sử dụng tài sản công đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả và phòng ngừa nguy cơ phát sinh tham nhũng, lãng phí. Cần tiếp tục rà soát các quy định có liên quan để bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật và thực tiễn hoạt động của cơ quan.

c) Kiến nghị cụ thể

Đề nghị tiếp tục hoàn thiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ, bảo đảm tính thống nhất, khả thi và phù hợp với yêu cầu quản lý ngân sách, tài sản công.

3. Thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn

a) Kết quả thực hiện

Văn phòng tổ chức quán triệt, triển khai các quy định về đạo đức công vụ, văn hóa công sở, quy tắc ứng xử và trách nhiệm của công chức, người lao động trong thực hiện nhiệm vụ. Việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ và chuẩn mực ứng xử trong thực thi công vụ được quan tâm chỉ đạo.

Các quy định về tặng quà, nhận quà tặng, kiểm soát xung đột lợi ích và các hành vi bị nghiêm cấm trong phòng, chống tham nhũng được thực hiện theo quy định của pháp luật.

b) Đánh giá việc thực hiện

Việc thực hiện quy tắc ứng xử góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm, tính liêm chính và chuẩn mực đạo đức công vụ của công chức, người lao động. Cần tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, kiểm tra, giám sát và kịp thời xử lý các hành vi vi phạm nếu phát sinh.

c) Kiến nghị cụ thể

Tiếp tục hoàn thiện hướng dẫn về nhận diện, báo cáo và xử lý xung đột lợi ích; tăng cường hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát việc tặng quà, nhận quà tặng và trách nhiệm của người đứng đầu.

4. Chuyển đổi vị trí công tác

a) Kết quả thực hiện

Văn phòng thực hiện rà soát, quản lý công chức theo vị trí việc làm và yêu cầu nhiệm vụ; việc bố trí, phân công, điều động, luân chuyển và chuyển đổi vị trí công tác được xem xét trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, tiêu chuẩn chuyên môn, yêu cầu quản lý và quy định pháp luật có liên quan.

b) Đánh giá việc thực hiện

Chuyển đổi vị trí công tác là biện pháp nhằm phòng ngừa tham nhũng, hạn chế việc lợi dụng vị trí công tác để vụ lợi. Việc tổ chức thực hiện cần bảo đảm đúng đối tượng, thời hạn, thẩm quyền và không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cơ quan.

5. Cải cách hành chính, ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và thanh toán không dùng tiền mặt

a) Kết quả thực hiện

Văn phòng triển khai công tác cải cách hành chính gắn với nâng cao chất lượng tham mưu, tổng hợp, xử lý công việc; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng hệ thống quản lý văn bản và điều hành, chữ ký số, trao đổi văn bản điện tử và các nền tảng số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin góp phần nâng cao tính công khai, minh bạch, khả năng theo dõi tiến độ xử lý công việc, giảm việc xử lý thủ công và tăng cường trách nhiệm của công chức trong thực thi nhiệm vụ.

Đối với các khoản thu, chi thuộc diện phải thanh toán không dùng tiền mặt, Văn phòng thực hiện theo quy định hiện hành và các quy định về quản lý tài chính, ngân sách có liên quan.

b) Đánh giá việc thực hiện

Cải cách hành chính và chuyển đổi số góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành, tăng cường khả năng kiểm tra, giám sát và phòng ngừa nguy cơ phát sinh tham nhũng. Cần tiếp tục nâng cao chất lượng dữ liệu, bảo đảm an toàn thông tin, tăng cường kết nối và khai thác các hệ thống phục vụ quản lý, điều hành.

c) Kiến nghị cụ thể

Tiếp tục hoàn thiện cơ chế kết nối, chia sẻ dữ liệu, quy trình xử lý công việc trên môi trường điện tử và hướng dẫn việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt đối với các khoản thu, chi theo quy định.

6. Kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn

a) Kết quả thực hiện

Văn phòng thực hiện việc rà soát, xác định đối tượng có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập; hướng dẫn, tổ chức kê khai, tiếp nhận, quản lý và công khai bản kê khai theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Việc quản lý, lưu giữ và bàn giao bản kê khai được thực hiện theo yêu cầu về trình tự, thủ tục và bảo mật thông tin. Các nội dung liên quan đến giải trình, xác minh tài sản, thu nhập được thực hiện theo thẩm quyền và quy định pháp luật.

b) Đánh giá việc thực hiện

Kê khai, công khai và kiểm soát tài sản, thu nhập là biện pháp quan trọng nhằm phòng ngừa tham nhũng, nâng cao trách nhiệm của người có nghĩa vụ kê khai. Việc tổ chức thực hiện cần bảo đảm đúng đối tượng, đầy đủ nội dung, thời hạn và quy trình; đồng thời bảo đảm quản lý, sử dụng thông tin đúng mục đích, đúng quy định.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kết quả đạt được

Công tác phòng ngừa tham nhũng được lồng ghép trong hoạt động quản lý, điều hành và thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của Văn phòng. Các nội dung về công khai, minh bạch; quản lý tài chính, tài sản công; thực hiện quy tắc ứng xử; chuyển đổi vị trí công tác; cải cách hành chính, chuyển đổi số và kiểm soát tài sản, thu nhập được triển khai theo quy định và yêu cầu quản lý của cơ quan.

2.Hạn chế, bất cập

Cần tiếp tục rà soát, đánh giá mức độ đầy đủ, hiệu quả của các biện pháp phòng ngừa tham nhũng; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, theo dõi việc thực hiện và kịp thời khắc phục những hạn chế phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

3. Nguyên nhân

Việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng chịu tác động của yêu cầu thường xuyên cập nhật quy định pháp luật, đặc điểm tổ chức và hoạt động của cơ quan, yêu cầu phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ và điều kiện bảo đảm cho công tác quản lý, kiểm tra, giám sát.

4. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật

Đề nghị cơ quan có thẩm quyền tiếp tục rà soát, hoàn thiện các quy định về công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình, định mức, tiêu chuẩn, chế độ, chuyển đổi vị trí công tác, kiểm soát xung đột lợi ích và kiểm soát tài sản, thu nhập; bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và khả thi trong tổ chức thực hiện.

5. Đề xuất mô hình, giải pháp mới

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số, công khai quy trình xử lý công việc; tăng cường kiểm tra, giám sát trách nhiệm thực thi công vụ; nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu và ý thức chấp hành pháp luật của công chức, người lao động. Đồng thời, chú trọng nhận diện, đánh giá nguy cơ tham nhũng trong các lĩnh vực quản lý tài chính, tài sản công và công tác tổ chức cán bộ để có biện pháp phòng ngừa phù hợp.

Trên đây là Báo cáo đánh giá việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng của Văn phòng UBND tỉnh Quảng Trị gửi Thanh tra tỉnh tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:
- Ban Nội chính Tỉnh ủy (b/c);
- Đảng ủy UBND tỉnh (b/c);
- Thanh tra tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HC-TC(Nhung).

KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG

CỘNG HOÀ X. H. C. N VIỆT NAM
VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ

Nguyễn Cửu

PHỤ LỤC
TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN
CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG
(Kèm theo Báo cáo số: 6080 ngày 23 tháng 10 năm 2026 của Văn phòng UBND tỉnh)

STT	NỘI DUNG	ĐVT	SỐ LIỆU
I.	**Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động**		
1	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động	CQ, TC, ĐV	0
2	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện, xử lý vi phạm quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động	CQ, TC, ĐV	0
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về trách nhiệm giải trình	CQ, TC, ĐV	0
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện, xử lý vi phạm quy định về trách nhiệm giải trình	CQ, TC, ĐV	0
II	**Xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ**		
5	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được ban hành mới	Văn bản	4
6	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Văn bản	4
7	Số cuộc thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Cuộc	0
8	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Vụ	0
9	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Người	0
10	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hành chính	Người	0
11	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hình sự	Người	0
12	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
13	Tổng giá trị vi phạm định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được thu hồi và bồi thường	Triệu đồng	0
III	**Thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn**		
14	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn	CQ, TC, ĐV	0

PHỤ LỤC
TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN
CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG
(Kèm theo Báo cáo số: ..... ngày ..... tháng .... năm 2026 của Văn phòng UBND tỉnh)

STT	NỘI DUNG	ĐVT	SỐ LIỆU
I.	**Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động**		
1	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động	CQ, TC, ĐV	0
2	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện, xử lý vi phạm quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động	CQ, TC, ĐV	0
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về trách nhiệm giải trình	CQ, TC, ĐV	0
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện, xử lý vi phạm quy định về trách nhiệm giải trình	CQ, TC, ĐV	0
II	**Xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ**		
5	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được ban hành mới	Văn bản	4
6	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Văn bản	4
7	Số cuộc thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Cuộc	0
8	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Vụ	0
9	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Người	0
10	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hành chính	Người	0
11	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hình sự	Người	0
12	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
13	Tổng giá trị vi phạm định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được thu hồi và bồi thường	Triệu đồng	0
III	**Thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn**		
14	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn	CQ, TC, ĐV	0

15	Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý	Người	0
16	Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị	Người	0
17	Giá trị quà tặng đã được nộp lại (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
18	Số người bị xử lý do có vi phạm vì xung đột lợi ích	Người	0
19	Số người bị xử lý do có vi phạm về việc kinh doanh trong thời hạn không được kinh doanh sau khi thôi giữ chức vụ	Người	0
IV	**Chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn**		
20	Số cán bộ, công chức, viên chức phải thực hiện chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người	0
21	Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người	0
V	**Cải cách hành chính, ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và thanh toán không dùng tiền mặt**		
22	Số thủ tục hành chính chính công được áp dụng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thủ tục	Văn phòng UBND tỉnh không có TTHC mà chỉ tiếp nhận TTHC liên thông từ các sở, ban, ngành
23	Số thủ tục hành chính chính công được áp dụng mức độ 3 hoặc 4 tại cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thủ tục	
24	Số thủ tục hành chính yêu cầu người dân, doanh nghiệp bổ sung hồ sơ từ 02 lần trở lên	Lượt thủ tục	
25	Số cuộc kiểm tra, thanh tra việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt	Cuộc	0
26	Số vụ phát hiện vi phạm trong việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt	Vụ	0
27	Tổng giá trị giao dịch qua Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng (1)	Triệu đồng	0
28	Tỷ trọng tiền mặt trên tổng phương tiện thanh toán (2)	%	0
VI	**Thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn**		
29	Số người đã thực hiện kê khai tài sản, thu nhập trong kỳ	Người	536
30	Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập	Người	0

31	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện các quy định về kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập	CQ, TC, ĐV	0
32	Số người bi kỷ luật do vi phạm quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập	Người	0
32.1	*Số người bị kỷ luật do kê khai tài sản, thu nhập không trung thực*	Người	0
32.2	*Số người bị kỷ luật do có vi phạm khác về kiểm soát tài sản, thu nhập*	Người	0
VII	**Phòng, chống tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước**		
33	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) thuộc phạm vi quản lý	Tổ chức	0
34	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) được thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về PCTN	Tổ chức	0
35	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) bị xử lý do có vi phạm pháp luật về PCTN	Tổ chức	0